TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2026**/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/6/2026.
***V/v** "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Lương Quang Thanh**

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

2. Bà Nguyễn Hồng Tươi

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Bà Trần Thị Hiền Phương** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang: **Ông Trần Quốc Toản** – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 về việc: *"Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Mỹ T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

CCCD số: 091195008804 cấp ngày 02/8/2022

Địa chỉ: Khu phố D, đặc khu P, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

CCCD số: 091083015428 cấp ngày 28/01/2023

Địa chỉ: Khu phố S, đặc khu P, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, chị Lê Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2018, chị T và anh Trần Anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dương Đông, huyện

Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng vui vẻ, hoà thuận, yêu thương và hạnh phúc. Thời gian gần đây, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên không còn chung sống. Do chị T không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh T và chị T có hai người con chung tên Trần Lê Phi N, sinh ngày 09/11/2018 và Trần Lê Vân K, sinh ngày 08/5/2021. Chị T yêu cầu giao cháu N và cháu K cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T cam kết không nợ ai cũng không ai nợ hai vợ chồng. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Trần Anh T trình bày:

Anh T và chị Lê Mỹ T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau như vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang vào năm 2018. Quá trình chung sống, vợ chồng vui vẻ hạnh phúc và có với nhau hai người con chung tên Trần Lê Phi N, sinh ngày 09/11/2018 và Trần Lê Vân K, sinh ngày 08/5/2021. Sau đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên không còn chung sống. Do đó, anh T thống nhất ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh T đồng ý trực tiếp chăm sóc cháu N và cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T cam kết quá trình chung sống không có tài sản chung, không nợ ai cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi đưa vụ

án ra xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng. Về thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mỹ T được ly hôn với anh Trần Anh T.

Về con chung: Anh Trần Anh T và chị Lê Mỹ T thừa nhận quá trình chung sống có hai người con chung tên Trần Lê Phi N, sinh ngày 09/11/2018 và Trần Lê Vân K, sinh ngày 08/5/2021. Anh T và chị T thống nhất giao cháu N và cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về công nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Trần Anh T có địa chỉ tại Khu phố S, đặc khu P, tỉnh An Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

Anh Trần Anh T và chị Lê Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh T và chị Lê Mỹ T yêu thương chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Nay là Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang). Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị T thừa nhận vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không còn chung sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh T và chị T đều yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải đoàn tụ vì có chung sống cũng không còn hạnh phúc

nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh T thống nhất ly hôn. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Lê Mỹ T và anh Trần Anh T.

[2.2] Về con chung: Anh Trần Anh T và chị Lê Mỹ T thừa nhận quá trình chung sống có hai người con chung tên Trần Lê Phi N, sinh ngày 09/11/2018 và Trần Lê Vân K, sinh ngày 08/5/2021. Anh T và chị T thống nhất giao cháu N và cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị T, anh T có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, anh T và chị T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh T và chị T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Mỹ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Trần Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng pháp luật:

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025.

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Lê Mỹ T và anh Trần Anh T.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Lê Phi N, sinh ngày 09/11/2018 và Trần Lê Vân K, sinh ngày 08/5/2021 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T, anh T có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích chung của các con, anh T và chị T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung: Anh T và chị T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3/ Về án phí: Chị Lê Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 307059 ngày 19/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, nay được khấu trừ tiền án phí, chị T đã nộp xong án phí. Anh Trần Anh T không phải chịu án phí.

Án xử công khai, báo cho anh T và chị T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 2 – An Giang;
- UBND đặc khu Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quang Thanh